|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **DIỄN ĐẠT TRONG VĂN NGHỊ LUẬN**

|  |
| --- |
| **I. Cách sử dụng từ ngữ trong văn nghị luận**  - Đây là hai đoạn văn nghị luận cùng viết về một chủ đề, cùng viết về một nội dung. Tuy nhiên mỗi đoạn lại có cách dùng từ ngữ khác nhau. - Các từ ngữ: linh hồn Huy Cận; nỗi hắt hiu trong cõi trời; hơi gió nhớ thương; một tiếng địch buồn; sáo Thiên Thai; điệu ái tình; lời li tao...được sử dụng đều thuộc lĩnh vực tinh thần, mang nét nghĩ chung: u sầu, lặng lẽ rất phù hợp với tâm trạng Huy Cận trong tập Lửa thiêng. - Các từ ngữ giàu tính gợi cảm (đìu hiu, ngậm ngùi dài, than van, cảm thương) cùng với lối xưng hô đặc biệt (chàng) và hàng loạt các thành phần chức năng nêu bật sự đồng điệu giữa người viết (Xuân Diệu) với nhà thơ Huy Cận.  - Bài tập yêu cầu sửa chữa lỗi dùng từ trong đoạn văn: + Các từ ngữ sáo rỗng, không phù hợp với đối tượng: Kịch tác gia vĩ đại, kiệt tác,...  + Dùng từ không phù hợp với phong cách văn bản chính luận: viết như nói, quá nhiều từ ngữ thuộc phong cách ngôn ngữ sinh hoạt: người ta ai mà chẳng, chẳng là gì cả, phát bệnh.**II. Cách sử dụng và kết hợp các kiểu câu trong văn nghị luận:** Kết cấu phần này cũng tương tự như phần một: ba bài tập tự luận và một câu hỏi tổng hợp. Do đó cách tiến hành cũng tương tự như ở phần trên. |
| **III. Xác định giọng điệu phù hợp trong văn nghị luận.** 1. Cách sử dụng từ ngữ trong văn nghị luận - Đối tượng bình luận và nội dung cụ thể của hai đoạn văn khác nhau. - Sự khác biệt giọng điệu đầu tiên là do đối tượng bình luận, quan hệ giữa người viết với nội dung bình luận khác nhau. Sau đó, về phương diện ngôn ngữ, cách dùng từ ngữ, cách sử dụng kết hợp các kiểu câu... cũng tạo nên sự khác nhau đó.  Giọng điệu cơ bản của lời văn nghị luận là trang trọng, nghiêm túc nhưng ở các phần trong bài văn có thể thay đổi sao cho phù hợp với nội dung cụ thể. |
| *- Đây là đoạn văn nghị luận văn học, bàn về vẻ đẹp của ca dao;**- Người viết có cách diễn đạt chuẩn xác và truyền cảm trong cách dùng từ, đặt câu, dựng đoạn, đa dạng về giọng điệu ( từ ngữ gợi hình ảnh, cảm xúc qua biện pháp tu từ so sánh, liệt kê…)./.* |
|  |

 |